TRƯỜNG: THCS LÊ THÀNH CÔNG
TỔ: LÍ – HÓA – SINH
Họ và tên giáo viên: NGUYỄN NGỌC MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN
MÔN HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 7, 8

(Năm học 2023 - 2024)

- Lớp được phân công giảng dạy: KHTN 7a2, 7a5, 8a4, 8a5.
- Lớp được phân công chủ nhiệm: 8a5

I. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình lớp 7

STT	Bài học/chủ đề (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)	Hình thức dạy học (6)
1	Bài 1: Phương pháp học tập môn Khoa học tự nhiên	05	Tuần 1,2	Giáo án điện tử Hình ảnh cổng quang điện, dao động kí, đồng hồ đo thời gian hiện số	Tại lớp học	Trực tiếp
2	Bài 2: Nguyên tử	04	Tuần 2,3	Giáo án điện tử Mô hình nguyên tử Rutherford – Borh của một số nguyên tử	Tại lớp học	Trực tiếp
3	Bài 3: Nguyên tố hóa học	03	Tuần 3	Giáo án điện tử Bảng 3.2	Tại lớp học	Trực tiếp
4	Bài 4: Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố	07	Tuần 4,5	Giáo án điện tử Bảng hệ thống tuần hoàn các	Tại lớp học	Trực tiếp

	hóa học			nguyên tố hóa học Một số hình ảnh các nguyên tố kim loại, phi kim, khí hiếm thông dụng		
5	Ôn tập chủ đề 1	01	Tuần 5	Đề cương Giáo án điện tử	Tại lớp học	Trực tiếp
6	Bài 5: Phân tử - Đơn chất - Hợp chất	04	Tuần 6	Giáo án điện tử Mô hình đặc các nguyên tử hóa học để tạo phân tử	Tại lớp học	Trực tiếp
7	Bài 6: Giới thiệu về liên kết hóa học	04	Tuần 7	Giáo án điện tử Sơ đồ tạo các liên kết	Tại lớp học	Trực tiếp
8	Bài 7: Hóa trị và công thức hóa học	04	Tuần 8	Đề cương Giáo án điện tử	Tại lớp học	Trực tiếp
9	Ôn tập giữa kì I	01	Tuần 8	Giáo án điện tử	Tại lớp học	Trực tiếp
10	Kiểm tra đánh giá giữa kì I (60 phút)	02	Tuần 9	Đề kiểm tra đánh giá giữa kì	Tại lớp học	Trực tiếp
11	Bài 8: Tốc độ chuyển động	03	Tuần 9, 10	Giáo án điện tử Bảng nhóm	Tại lớp học	Trực tiếp
12	Bài 9: Đồ thị quãng đường - thời gian	03	Tuần 10, 11	Giáo án điện tử Bảng đồ thị quãng đường, thước	Tại lớp học	Trực tiếp
13	Bài 10: Đo tốc độ	03	Tuần 11	Tấm ván phẳng, đồng hồ bấm giây, cổng quang điện, đồng hồ đo thời gian hiển thị số. Bảng kết quả	Tại lớp học	Trực tiếp
14	Bài 11: Tốc độ và an toàn giao thông	01	Tuần 12	Giáo án điện tử Biển báo thường gặp, Bảng quy định về khoảng cách theo Luật Giao thông đường bộ Việt Nam	Tại lớp học	Trực tiếp
15	Ôn tập chủ đề 3		Tuần 12	Đề cương	Tại lớp học	Trực tiếp

				Giáo án điện tử		
16	Bài 12: Mô tả sóng âm	03	Tuần 12, 13	Giáo án điện tử Âm thoa, trống, đàn ukule, bể nước, đồng hồ cố thủy tinh, màng nhựa, dây chun, dây buộc, bộ giá đỡ	Tại lớp học	Trực tiếp
17	Bài 13: Độ to và độ cao của âm	03	Tuần 13	Giáo án điện tử Hộp nhựa, dây buộc, âm thoa, hộp cộng hưởng, búa cao su, dao động kí, micro.	Tại lớp học	Trực tiếp
18	Bài 14: Phản xạ âm	03	Tuần 14	Giáo án điện tử ống nhựa, tấm gỗ, quyển sách Hình ảnh liên quan đế ô nhiêm tiếng ồn.	Tại lớp học	Trực tiếp
19	Ôn tập chủ đề 4		Tuần 14	Giáo án điện tử Đề cương	Tại lớp học	Trực tiếp
20	Bài 15: Ánh sáng, tia sáng	02	Tuần 15	Giáo án điện tử Tấm pin mặt trời, đèn LED, nguồn sáng và các dây nối	Tại lớp học	Trực tiếp
21	Ôn tập	02	Tuần 15	Giáo án điện tử Đề cương	Tại lớp học	Trực tiếp
22	Kiểm tra đánh giá cuối kì I (90 phút)	02	Tuần 16	Đề kiểm tra cuối kì I	Tại lớp học	Trực tiếp
23	Trả bài KTĐG cuối HKI	02	Tuần 16	Đề kiểm tra cuối kì I	Tại lớp học	Trực tiếp
24	Bài 15: Ánh sáng, tia sáng	01	Tuần 17	Giáo án điện tử Quả bóng, màn chắn, đèn pin, kệ đỡ và các dây nối.	Tại lớp học	Trực tiếp
25	Bài 16: Sự phản xạ ánh sáng	03	Tuần 17	Giáo án điện tử Gương phẳng, bảng chia độ,	Tại lớp học	Trực tiếp

				nguồn sáng hẹp, giá đỡ.		
26	Bài 17: Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng	02	Tuần 18	Gương phẳng, nến, tấm chắn, màn kính trong suốt, thước nhựa.	Tại lớp học	Trực tiếp
27	Bài 18: Nam châm	02	Tuần 18	Giáo án điện tử Nam châm các loại, giá đỡ, dây treo	Tại lớp học	Trực tiếp
28	Bài 19: Từ trường	03	Tuần 19	Giáo án điện tử Nam châm các loại, tấm nhựa, mạc sắt	Tại lớp học	Trực tiếp
29	Bài 20. Từ trường Trái Đất – Sử dụng la bàn	03	Tuần 19, 20	Giáo án điện tử La bàn	Tại lớp học	Trực tiếp
30	Bài 21: Nam châm điện	01	Tuần 20	Giáo án điện tử Dây diện, hộp đựng 2 pin, pin, công tắc và kẹp giấy bằng sắt	Tại lớp học	Trực tiếp
31	Ôn tập chủ đề 6		Tuần 20	Giáo án điện tử Đề cương	Tại lớp học	Trực tiếp
32	Bài 22. Vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật	02	Tuần 21	Giáo án điện tử	Tại lớp học	Trực tiếp
33	Bài 23: Quang hợp ở thực vật	04	Tuần 21, 22	Giáo án điện tử	Tại lớp học	Trực tiếp
34	Bài 24: Thực hành: Chứng minh quang hợp ở cây xanh	02	Tuần 22	Giáo án điện tử Phiếu báo cáo thực hành Cây xanh, đền cồn , giá đỡ, kẹp ống nghiệm, cốc thủy tinh, dĩa petri, băng giấy đen, ống hút, phuễ, cồn, iodine, nước cất.	Tại lớp học	Trực tiếp
35	Bài 25: Hô hấp ở tế bào	03	Tuần 23	Giáo án điện tử Bảng hô hấp tế bào	Tại lớp học	Trực tiếp

36	Bài 26. Thực hành về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt	02	Tuần 23, 24	Giáo án điện tử Phiếu báo cáo thực hành. Bình thủy tinh, bông gòn, dây kim loại, nến, nhiệt kế, thùng xốp, bình tam giác, …, hạt đậu, nước cất, nước vôi trong.	Tại lớp học	Trực tiếp
37	Bài 27: Trao đổi khí ở sinh vật	02	Tuần 24	Giáo án điện tử Sơ đồ cấu tạo khí khổng	Tại lớp học	Trực tiếp
38	Bài 27: Trao đổi khí ở sinh vật	02	Tuần 24	Giáo án điện tử	Tại lớp học	Trực tiếp
39	Bài 28. Vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật	02	Tuần 25	Giáo án điện tử	Tại lớp học	Trực tiếp
40	Ôn tập	01	Tuần 25	Giáo án điện tử Đề cương	Tại lớp học	Trực tiếp
41	Kiểm tra đánh giá giữa kì II (60 phút)	02	Tuần 26	Đề kiểm tra đánh giá giữa kì II	Tại lớp học	Trực tiếp
42	Bài 29. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật	05	Tuần 26, 27	Giáo án điện tử	Tại lớp học	Trực tiếp
43	Bài 30. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở động vật	05	Tuần 27, 28	Giáo án điện tử Sơ đồ hai vòng tuần hoàn ở người	Tại lớp học	Trực tiếp
44	Bài 31: Thực hành: Chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước	02	Tuần 29	Giáo án điện tử Phiếu báo có thực hành	Tại lớp học	Trực tiếp
45	Bài 32: Cảm ứng ở sinh vật	02	Tuần 29	Giáo án điện tử Cố trồng cây, hộp bìa carton,	Tại lớp học	Trực tiếp

				nước, hạt đậu, đất ẩm		
46	Bài 33. Tập tính ở động vật	02	Tuần 30	Giáo án điện tử Video và phiếu định hướng quan sát theo mẫu	Tại lớp học	Trực tiếp
47	Ôn tập chủ đề 7 và 8	01	Tuần 30	Giáo án điện tử Đề cương	Tại lớp học	Trực tiếp
48	Bài 34. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	03	Tuần 30, 31	Giáo án điện tử Bảng sơ đồ vòng đời cây cam	Tại lớp học	Trực tiếp
49	Ôn tập	02	Tuần 31	Giáo án điện tử Đề cương	Tại lớp học	Trực tiếp
50	Kiểm tra đánh giá cuối kì II (90 phút)	02	Tuần 32	Điểm tra đánh giá cuối kì II	Tại lớp học	Trực tiếp
51	Trả bài KTĐG cuối HKII	02	Tuần 32	Điểm tra đánh giá cuối kì II	Tại lớp học	Trực tiếp
52	Bài 35. Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật	02	Tuần 33	Giáo án điện tử Bảng vòng đời của bướm gây hại	Tại lớp học	Trực tiếp
53	Bài 36. Thực hành chứng minh sinh trưởng và phát triển ở thực vật, động vật	01	Tuần 33	Giáo án điện tử Phiếu báo có thực hành Chậu cây, dụng cụ lấy đất, găng tay, thước đo chiều dài của cây, nước, hạt đậu	Tại lớp học	Trực tiếp
54	Bài 37. Sinh sản ở sinh vật	05	Tuần 33, 34	Giáo án điện tử Tranh ảnh sơ đồ cấu tạo của hoa, động vật	Tại lớp học	Trực tiếp
55	Bài 38. Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản và điều hòa, điều khiển sinh sản ở sinh vật	02	Tuần 35	Giáo án điện tử	Tại lớp học	Trực tiếp

56	Bài 39. Chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất	02	Tuần 35	Sơ đồ mối quan hệ giữa tế bào – cơ thể - môi trường	Tại lớp học	Trực tiếp

2. Phân phối chương trình lớp 8

STT	Bài học/chủ đề (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)	Hình thức dạy học (6)
1	Bài 1. Sử dụng một số hóa chất, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm	3	Tuần 1	- Thí nghiệm: cốc thủy tinh/ giá đỡ/ ống nghiệm/ kẹp ống nghiệm/ống đong/ống hút nhỏ giọt - Máy đo huyết áp, máy đo pH, bút đo pH. - Ampe kế, vôn kế, joulemeter	Tại lớp học	Trực tiếp
2	Bài 2. Phản ứng hóa học	3	Tuần 2	- Mô hình phân tử. - Thí nghiệm: cốc thủy tinh/ giá đỡ/ ống nghiệm/ kẹp ống nghiệm/nhiệt kế/ ống hút nhỏ giọt/	Tại lớp học	Trực tiếp
3	Bài 3. Mol và tỉ khối của chất khí	2	Tuần 2		Tại lớp học	Trực tiếp
4	Bài 4. Dung dịch và nồng độ	4	Tuần 3	- Dụng cụ: cốc thủy tinh (4)/ muỗng/ đũa thủy tinh - Hóa chất: muối hạt/ copper (II) sulfate/ sữa bột/ muối ăn.	Tại lớp học	Trực tiếp
5	Bài 5. Định luật bảo toàn khối lượng. Phương trình hóa học	4	Tuần 4	- Dụng cụ: cốc thủy tinh, cân điện tử. - Hóa chất: barium chloride, sodium	Tại lớp học	Trực tiếp

				sulfate.		
6	Bài 6. Tính theo phương trình hóa học	4	Tuần 5		Tại lớp học	Trực tiếp
7	Bài 7. Tốc độ phản ứng và chất xúc tác	4	Tuần 6	- Dụng cụ: cốc thủy tinh, ống nghiệm. - Hóa chất: dd HCl, đinh sắt, viên sủi C, H_2O_2, MnO_2, đá vôi.	Tại lớp học	Trực tiếp
8	Bài 8. Acid	3	Tuần 7	- Dụng cụ: ống nhỏ giọt, ống nghiệm, quỳ tím. - Hóa chất: dd HCl, kim loại Fe, Zn	Tại lớp học	Trực tiếp
9	Bài 9. Base. Thang pH	5	Tuần 7,8	- Dụng cụ: ống nhỏ giọt, ống nghiệm, quỳ tím, phenolphthalein, giấy pH - Hóa chất: dd HCl, dd NaOH.	Tại lớp học	Trực tiếp
10	Ôn tập kiểm tra giữa kì I	1	Tuần 9	- Dụng cụ: cốc thủy tinh, ống nghiệm, ống thủy tinh hình chữ L, nút cao su. - Hóa chất: dd HCl, dd $Ca(OH)_2$, đá vôi, CuO, dd H_2SO_4 loãng.	Tại lớp học	Trực tiếp
11	**Kiểm tra giữa kì I**	2	Tuần 9	- Dụng cụ: ống nhỏ giọt, ống nghiệm. - Hóa chất: dd H_2SO_4 loãng, NaOH, Na_2SO_4, $CuSO_4$, $BaCl_2$, đinh sắt.	Tại lớp học	Trực tiếp
12	Bài 10. Oxide	3	Tuần 9,10	- Dụng cụ: cốc thủy tinh, ống nghiệm, ống thủy tinh hình chữ L, nút cao su.	Tại lớp học	Trực tiếp

				- Hóa chất: dd HCl, dd $Ca(OH)_2$, đá vôi, CuO, dd H_2SO_4 loãng.		
13	Bài 11. Muối	6	Tuần 10	- Dụng cụ: ống nhỏ giọt, ống nghiệm. - Hóa chất: dd H_2SO_4 loãng, NaOH, Na_2SO_4, $CuSO_4$, $BaCl_2$, đinh sắt.	Tại lớp học	Trực tiếp
14	Bài 12. Phân bón hóa học	3	Tuần 12		Tại lớp học	Trực tiếp
15	Bài 13. Khối lượng riêng	2	Tuần 12, 13	- Thỏi sắt, nhôm, đồng, cân điện tử	Tại lớp học	Trực tiếp
16	Bài 14. Thực hành xác định khối lượng riêng	2	Tuần 13	- Khối gỗ hình hộp, cân điện tử, thước thẳng, ống đong, cốc thủy tinh, nước sạch.	Tại lớp học	Trực tiếp
17	Bài 15. Áp suất trên một bề mặt	2	Tuần 13, 14	- Khối sắt hình hộp, khay nhựa, bột mịn	Tại lớp học	Trực tiếp
18	Bài 16. Áp suất trong chất lỏng. Áp suất khí quyển	3	Tuần 14	- Bình hình trụ, bình lớn chứa nước cao 30 cm, pit-tông, quả nặng	Tại lớp học	Trực tiếp
19	Bài 17. Lực đẩy Archimedes	2	Tuần 15	- Lực kế 2N, cân điện tử, bình tràn, quả nặng bằng nhựa 130g, ống đong, giá thí nghiệm.	Tại lớp học	Trực tiếp
20	Ôn tập kiểm tra cuối kì I	2	Tuần 15	Giáo áo điện tử, sách bài tập	Tại lớp học	Trực tiếp
21	**Kiểm tra cuối kì I**	2	Tuần 16	Đề kiểm tra	Tại lớp học	Trực tiếp
22	Trả bài kiểm tra cuối kì I	2	Tuần 16	Bài kiểm tra của học sinh	Tại lớp học	Trực tiếp

23	Bài 18. Tác dụng làm quay của lực. Moment lực	4	Tuần 17	- Thanh nhựa cứng có lỗ cách đều, giá thí nghiệm, quả nặng, móc treo, chìa khóa vặn ốc vít.	Tại lớp học	Trực tiếp
24	Bài 19. Đòn bẩy và ứng dụng	4	Tuần 18	- Thanh nhựa cứng có lỗ cách đều, giá thí nghiệm, lực kế, quả nặng, móc treo.	Tại lớp học	Trực tiếp
25	Bài 20. Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát	2	Tuần 19	- Chiếc đũa nhựa, chiếc đũa thủy tinh, mảnh vải len (dạ), mảnh vải lụa, giá thí nghiệm, dây treo, giấy vụn.	Tại lớp học	Trực tiếp
26	Bài 21. Dòng điện, nguồn điện	2	Tuần 19	- Pin 3V, bóng đèn 2,5V, công tắc, kẹp nối, lá nhôm, đồng, nhựa, dây điện.	Tại lớp học	Trực tiếp
27	Bài 22. Mạch điện đơn giản (tiết 1, 2)	2	Tuần 20	- Pin, bóng đèn, công tắc, kẹp nối, lá nhôm, đồng, nhựa, dây điện, cầu chì, cầu dao tự động, Rơle, chuông điện.	Tại lớp học	Trực tiếp
28	Bài 23. Tác dụng của dòng điện (tiết 1, 2)	2	Tuần 20	- Nguồn điện, dây nối, sợi dây kim loại Nicrom, mảnh giấy, điện trở, đèn điốt, bóng đèn pin, công tắc, dd $CuSO_4$, hai thỏi than.	Tại lớp học	Trực tiếp
29	Bài 24. Cường độ dòng điện và hiệu điện thế	1	Tuần 21	- Nguồn điện (pin) 1,5V, 3V, 4,5V, bóng đèn 1,5V, công tắc, dây nối, biến trở, ampe kế, vôn kế.	Tại lớp học	Trực tiếp
30	Bài 25. Thực hành đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế (tiết 1, 2)	2	Tuần 21	- Nguồn điện (pin) 1,5V, 3V, 6V, bóng đèn 6V-0,5A, công tắc, dây nối, ampe kế 0,5A có độ chia nhỏ nhất 0,01A, vôn kế 6V có độ chia	Tại lớp học	Trực tiếp

				nhỏ nhất 0,1V.		
31	Bài 26. Năng lượng nhiệt và nội năng	2	Tuần 21, 22	- Giá thí nghiệm, cốc thủy tinh, nhiệt kế, quả cầu kim loại, đèn cồn.	Tại lớp học	Trực tiếp
32	Bài 26. Năng lượng nhiệt và nội năng	2	Tuần 22	- Giá thí nghiệm, cốc thủy tinh, nhiệt kế, quả cầu kim loại, đèn cồn.	Tại lớp học	Trực tiếp
33	Bài 27. Thực hành đo năng lượng nhiệt bằng joulemeter	2	Tuần 22	- Bình lượng kế có dây đốt, que khuấy, nhiệt kế, dụng cụ đo năng lượng joulemeter, nguồn điện 12V, dây nối, nước sạch.	Tại lớp học	Trực tiếp
34	Bài 28. Sự truyền nhiệt	3	Tuần 22, 23	- Thanh đồng, giá đỡ, đèn cồn, cốc thủy tinh, bình thủy tinh, tấm gỗ, đinh, sáp.	Tại lớp học	Trực tiếp
35	Bài 29. Sự nở vì nhiệt	2	Tuần 23	- Bộ thí nghiệm nở vì nhiệt của chất rắn, lỏng, khí.	Tại lớp học	Trực tiếp
36	Bài 30. Khái quát về cơ thể người	1	Tuần 24	- Tranh: khái quát cơ thể người.	Tại lớp học	Trực tiếp
37	Bài 31. Hệ vận động ở người	3	Tuần 24	- Nẹp tre/ gỗ, bang y tế/ dây vải, bông/gạc, khăn vải.	Tại lớp học	Trực tiếp
38	Bài 32. Dinh dưỡng và tiêu hóa ở người	4	Tuần 25	Tranh cấu tạo hệ tiêu hóa	Tại lớp học	Trực tiếp
39	**Ôn tập kiểm tra giữa kì II**	1	Tuần 25	Giáo án điện tử, sách bài tập	Tại lớp học	Trực tiếp
40	**Kiểm tra giữa kì II**	2	Tuần 26	Đề kiểm tra		
41	Bài 33. Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người	3	Tuần 26, 27	- Băng, gạc, bông y tế, dây cao su/ dây vải, huyết áp kế, ống nghe tim	Tại lớp học	Trực tiếp

				phổi.		
42	Bài 34. Hệ hô hấp ở người	3	Tuần 27	- Tranh mô tả các thao tác hô hấp nhân tạo.	Tại lớp học	Trực tiếp
43	Bài 35. Hệ bài tiết ở người	3	Tuần 28	- Tranh: Hệ bài tiết ở người	Tại lớp học	Trực tiếp
44	Bài 36. Điều hòa môi trường trong cơ thể người	1	Tuần 29	- Tranh: Môi trường trong cơ thể	Tại lớp học	Trực tiếp
45	Bài 37. Hệ thần kinh và các giác quan ở người	3	Tuần 29	-Tranh: Hệ thần kinh và các giác quan ở người.	Tại lớp học	Trực tiếp
46	Bài 38. Hệ nội tiết ở người	2	Tuần 30	Giáo án điện tử	Tại lớp học	Trực tiếp
47	Bài 39. Da và điều hòa thân nhiệt ở người	2	Tuần 30	- Tranh: Cấu tạo da.	Tại lớp học	Trực tiếp
48	Bài 40. Sinh sản ở người	1	Tuần 31	- Tranh: Cơ quan sinh dục nam và nữ	Tại lớp học	Trực tiếp
49	Bài 41. Môi trường và các nhân tố sinh thái	1	Tuần 31	- Tranh ảnh	Tại lớp học	Trực tiếp
50	**Ôn tập kiểm tra cuối kì II**	2	Tuần 31	Giáo án điện tử, Sách bài tập	Tại lớp học	Trực tiếp
51	**Kiểm tra cuối kì II**	2	Tuần 32	Đề kiểm tra	Tại lớp học	Trực tiếp
52	Trả bài kiểm tra cuối kì II	2	Tuần 32	Bài kiểm tra của học sinh	Tại lớp học	Trực tiếp
53	Bài 41. Môi trường và các nhân tố sinh thái	1	Tuần 33		Tại lớp học	Trực tiếp
54	Bài 42. Quần thể sinh vật	2	Tuần 33	- Tranh: Các kiểu tháp tuổi của quần thể	Tại lớp học	Trực tiếp
55	Bài 43. Quần xã sinh vật	1	Tuần 33		Tại lớp	Trực tiếp

					học	
56	Bài 44. Hệ sinh thái	3	Tuần 34	- Tranh: Chuỗi thức ăn trong hệ sinh thái. - Tranh Sơ đồ vòng tuần hoàn các chất và dòng năng lượng trong hệ sinh thái.	Tại lớp học	Trực tiếp
57	Bài 45. Sinh quyển	2	Tuần 34,35	- Tranh Mô hình về sinh quyển - Tranh các khu sinh học trên cạn	Tại lớp học	Trực tiếp
58	Bài 46. Cân bằng tự nhiên	1	Tuần 35	- Tranh Sự phân tầng các quần thể thực vật trong rừng mưa nhiệt đới	Tại lớp học	Trực tiếp
59	Bài 47. Bảo vệ môi trường	2	Tuần 35	- Giáo án điện tử	Tại lớp học	Trực tiếp

4. Kế hoạch kiểm tra đánh giá thường xuyên

Khối 7

Điểm kiểm tra	Hình thức (kiểm tra quá trình, bài kiểm tra, ……..	Yêu cầu	Thời gian	Ghi chú
KT, ĐG 1 HKI	Hình thức trực tuyến, trực tiếp	- Trình bày và vận dụng được một số phương pháp và kĩ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên **Chủ đề 1** - Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford – Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp vỏ nguyên tử). - Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo	Tuần 5	

		đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử). - Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học. - Viết được công thức hoá học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên.		
KT, ĐG 2 HKI	Hình thức trực tuyến, trực tiếp	- Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học. - Viết được công thức hoá học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên - Trình bày sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. **Chủ đề 2** - Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất. Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất. - Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu.	Tuần 7	
KT, ĐG 3 HKI	Hình thức trực tuyến, trực tiếp	**Chủ đề 3** - Nêu được ý nghĩa vật lí của tốc độ, xác định được tốc độ qua quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian tương ứng, *tốc độ = quãng đường vật đi/thời gian đi quãng đường đó*. - Liệt kê được một số đơn vị đo tốc độ thường dùng. - Vẽ được đồ thị quãng đường – thời gian cho chuyển động thẳng. - Từ đồ thị quãng đường – thời gian cho trước, tìm được quãng đường vật đi (hoặc tốc độ, hay	Tuần 12	

		thời gian chuyển động của vật).		
KT, ĐG 4 HKI	Đánh giá quá trình học tập bằng hình thức trắc nghiệm hoặc vấn đáp	Nhận biết Thông hiểu	Suốt quá trình học đến hết HK	
KT, ĐG 1 HKII	Hình thức trực tuyến, trực tiếp	Nhận biết Thông hiểu	Tuần 5	
KT, ĐG 2 HKII	Hình thức trực tuyến, trực tiếp	Nhận biết Thông hiểu	Tuần 9	
KT, ĐG 3 HKII	Hình thức trực tuyến, trực tiếp	Nhận biết Thông hiểu	Tuần 16	
KT, ĐG 4 HKII	Đánh giá quá trình học tập bằng hình thức trắc nghiệm hoặc vấn đáp	Nhận biết Thông hiểu	Tuần 32	

Khối 8

Điểm kiểm tra	Hình thức (kiểm tra quá trình, bài kiểm tra, ……..	Yêu cầu	Thời gian	Ghi chú
Giữa Học kỳ 1	Hình thức trực tuyến, trực tiếp	**Bài 1** - Nhận biết được một số dụng cụ và hoá chất sử dụng trong môn Khoa học tự nhiên 8. - Nêu được quy tắc sử dụng hoá chất an toàn **Chủ đề 1** – Nêu được khái niệm sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. – Phân biệt được sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. Đưa ra được ví dụ về	Tuần 9	

		sự biến đổi vật lí và sự biến đổi hoá học. – Nêu được khái niệm phản ứng hoá học, chất đầu và sản phẩm. – Nêu được sự sắp xếp khác nhau của các nguyên tử trong phân tử chất đầu và sản phẩm. – Chỉ ra được một số dấu hiệu chứng tỏ có phản ứng hoá học xảy ra. – Nêu được khái niệm về mol (nguyên tử, phân tử). – Tính được khối lượng mol (M); Chuyển đổi được giữa số mol (n) và khối lượng (m) – Nêu được khái niệm tỉ khối, viết được công thức tính tỉ khối của chất khí. – So sánh được chất khí này nặng hay nhẹ hơn chất khí khác dựa vào công thức tính tỉ khối. – Nêu được khái niệm thể tích mol của chất khí ở áp suất 1 bar và 25 ^{0}C. – Sử dụng được công $n(\text{mol}) = \frac{V(\text{L})}{24,79(L/\text{mol})}$ để chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar ở 25 ^{0} C. – Nêu được dung dịch là hỗn hợp lỏng đồng nhất của các chất đã tan trong nhau. – Nêu được định nghĩa độ tan của một chất trong nước, nồng độ phần trăm, nồng độ mol. – Tính được độ tan, nồng độ phần trăm; nồng độ mol theo công thức. – Phát biểu được định luật bảo toàn khối lượng. – Nêu được khái niệm phương trình hoá học và các bước lập phương trình hoá học. – Trình bày được ý nghĩa của phương trình hoá học. – Lập được sơ đồ phản ứng hoá học dạng chữ và phương trình hoá học (dùng công thức hoá học) của một số phản ứng hoá học cụ thể. - Tính được lượng chất trong phương trình hóa học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25 0 C.		

		– Nêu được khái niệm hiệu suất của phản ứng và tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lí thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế. – Nêu được khái niệm về tốc độ phản ứng (chỉ mức độ nhanh hay chậm của phản ứng hoá học). – Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng và nêu được một số ứng dụng thực tế. – Nêu được các yếu tố làm thay đổi tốc độ phản ứng; – Nêu được khái niệm về chất xúc tác. **Chủ đề 2** – Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion H^+) – Nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của acid. – Trình bày được một số ứng dụng của một số acid thông dụng (HCl, H_2SO_4, CH_3COOH).		
Cuối Học kỳ 1	Hình thức trực tuyến, trực tiếp	**Bài 1** - Nhận biết được các thiết bị điện trong môn Khoa học tự nhiên 8 và trình bày được cách sử dụng điện an toàn. **Chủ đề 1** – Nêu được khái niệm sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. – Phân biệt được sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. Đưa ra được ví dụ về sự biến đổi vật lí và sự biến đổi hoá học. – Nêu được khái niệm phản ứng hoá học, chất đầu và sản phẩm. – Nêu được sự sắp xếp khác nhau của các nguyên tử trong phân tử chất đầu và sản phẩm. – Chỉ ra được một số dấu hiệu chứng tỏ có phản ứng hoá học xảy ra. – Nêu được khái niệm về mol (nguyên tử, phân tử). – Tính được khối lượng mol (M); Chuyển đổi được giữa số mol (n) và khối	Tuần 16	

		lượng (m) – Nêu được khái niệm tỉ khối, viết được công thức tính tỉ khối của chất khí. – So sánh được chất khí này nặng hay nhẹ hơn chất khí khác dựa vào công thức tính tỉ khối. – Nêu được khái niệm thể tích mol của chất khí ở áp suất 1 bar và 25 ^{0}C. – Sử dụng được công $n(\text{mol}) = \frac{V(\text{L})}{24,79(L/\text{mol})}$ để chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar ở 25 ^{0}C. – Nêu được dung dịch là hỗn hợp lỏng đồng nhất của các chất đã tan trong nhau. – Nêu được định nghĩa độ tan của một chất trong nước, nồng độ phần trăm, nồng độ mol. – Tính được độ tan, nồng độ phần trăm; nồng độ mol theo công thức. – Phát biểu được định luật bảo toàn khối lượng. – Nêu được khái niệm phương trình hoá học và các bước lập phương trình hoá học. – Trình bày được ý nghĩa của phương trình hoá học. – Lập được sơ đồ phản ứng hoá học dạng chữ và phương trình hoá học (dùng công thức hoá học) của một số phản ứng hoá học cụ thể. - Tính được lượng chất trong phương trình hóa học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25 0 C. – Nêu được khái niệm hiệu suất của phản ứng và tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lí thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế. – Nêu được khái niệm về tốc độ phản ứng (chỉ mức độ nhanh hay chậm của phản ứng hoá học). – Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng và nêu được một số ứng dụng thực tế. – Nêu được các yếu tố làm thay đổi tốc độ phản ứng;		

		– Nêu được khái niệm về chất xúc tác. **Chủ đề 2** – Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion H^+) – Nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của acid. – Trình bày được một số ứng dụng của một số acid thông dụng (HCl, H_2SO_4, CH_3COOH). – Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH^-) – Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước. – Nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của base. – Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch. – Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả,...). - Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, trong nước mưa, đất. – Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác. – Viết được phương trình hoá học tạo oxide từ kim loại/phi kim với oxygen. – Phân loại được các oxide theo khả năng phản ứng với acid/base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính). –Nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của oxide. – Nêu được khái niệm về muối (các muối thông thường là hợp chất được hình thành từ sự thay thế ion H^+ của acid bởi ion kim loại hoặc ion NH_4^+ – Chỉ ra được một số muối tan và muối không tan từ bảng tính tan. – Trình bày được một số phương pháp điều chế muối. – Đọc được tên một số loại muối thông dụng. – Tiến hành được thí nghiệm		

		muối phản ứng với kim loại, với acid, với base, với muối; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra kết luận về tính chất hoá học của muối. – Trình bày được mối quan hệ giữa acid, base, oxide và muối; rút ra được kết luận về tính chất hoá học của acid, base, oxide. - Trình bày được vai trò của phân bón (một trong những nguồn bổ sung một số nguyên tố: đa lượng, trung lượng, vi lượng dưới dạng vô cơ và hữu cơ) cho đất, cây trồng. – Nêu được thành phần và tác dụng cơ bản của một số loại phân bón hoá học đối với cây trồng (phân đạm, phân lân, phân kali, phân N–P–K). – Trình bày được ảnh hưởng của việc sử dụng phân bón hoá học (không đúng cách, không đúng liều lượng) đến môi trường của đất, nước và sức khoẻ của con người. – Đề xuất được biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của phân bón. **Chủ đề 3** - Nêu được định nghĩa khối lượng riêng, xác định được khối lượng riêng qua khối lượng và thể tích tương ứng, *khối lượng riêng = khối lượng/thể tích.* – Liệt kê được một số đơn vị đo khối lượng riêng thường dùng. – Dùng dụng cụ thực hành, khẳng định được: áp suất sinh ra khi có áp lực tác dụng lên một diện tích bề mặt, áp suất = áp lực/diện tích bề mặt. – Liệt kê được một số đơn vị đo áp suất thông dụng. – Nêu được: Áp suất tác dụng vào chất lỏng sẽ được chất lỏng truyền đi nguyên vẹn theo mọi hướng; lấy được ví dụ minh hoạ. – Mô tả được sự tạo thành tiếng động trong tai khi tai chịu sự thay đổi áp suất đột ngột. – Giải thích được một số ứng dụng về áp suất không khí trong đời sống (ví dụ như: giác mút, bình xịt, tàu đệm khí). – Nêu được: Điều kiện định tính về vật nổi, vật chìm; định luật Archimedes		

		(Acsimet)		
Giữa Học kỳ 2	Hình thức trực tuyến, trực tiếp	**Chủ đề 5** – Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát. – Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát. – Định nghĩa được dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện. – Phân loại được vật dẫn điện, vật không dẫn điện. – Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện và liệt kê được một số nguồn điện thông dụng trong đời sống. – Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang. – Mắc được mạch điện đơn giản với: pin, công tắc, dây nối, bóng đèn. – Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì, rơ le (relay), cầu dao tự động, chuông điện. –Minh hoạ được các tác dụng cơ bản của dòng điện: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí. –Nêu được số chỉ của ampe kế là giá trị của cường độ dòng điện. –Nêu được khả năng sinh ra dòng điện của pin (hay ắc quy) được đo bằng hiệu điện thế (còn gọi là điện áp) giữa hai cực của nó. – Nêu được đơn vị đo cường độ dòng điện và đơn vị đo hiệu điện thế. – Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang. **Chủ đề 6** – Nêu được khái niệm năng lượng nhiệt, khái niệm nội năng. – Nêu được: Khi một vật được làm nóng, các phân tử của vật chuyển động nhanh hơn và nội năng của vật tăng. – Lấy được ví dụ về hiện tượng dẫn nhiệt, đối lưu, bức xạ nhiệt và mô tả sơ lược được sự truyền năng lượng trong mỗi hiện tượng đó	Tuần 26	

		– Phân tích được một số ví dụ về công dụng của vật dẫn nhiệt tốt, công dụng của vật cách nhiệt tốt. – Mô tả được sơ lược sự truyền năng lượng trong hiệu ứng nhà kính. – Lấy được một số ví dụ về công dụng và tác hại của sự nở vì nhiệt – Vận dụng kiến thức về sự truyền nhiệt, sự nở vì nhiệt, giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế. **Chủ đề 7** – Nêu được tên và vai trò chính của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người. – Nêu được chức năng của hệ vận động ở người. – Dựa vào sơ đồ (hoặc hình vẽ), mô tả được cấu tạo sơ lược các cơ quan của hệ vận động. Phân tích được sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ vận động. Liên hệ được kiến thức đòn bẩy vào hệ vận động. – Trình bày được một số bệnh, tật liên quan đến hệ vận động và một số bệnh về sức khoẻ học đường liên quan hệ vận động (ví dụ: cong vẹo cột sống). Nêu được một số biện pháp bảo vệ các cơ quan của hệ vận động và cách phòng chống các bệnh, tật. – Nêu được ý nghĩa của tập thể dục, thể thao và chọn phương pháp luyện tập thể thao phù hợp (tự đề xuất được một chế độ luyện tập cho bản thân nhằm nâng cao thể lực và thể hình – Vận dụng được hiểu biết về hệ vận động và các bệnh học đường để bảo vệ bản thân và tuyên truyền, giúp đỡ cho người khác. – Vận dụng được hiểu biết về lực và thành phần hoá học của xương để giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương. – Nêu được tác hại của bệnh loãng xương.		
Cuối Học kỳ 2	Đánh giá quá trình học tập bằng hình thức trắc	**Chủ đề 5** – Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát. – Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát.	Tuần 32	

	nghiệm hoặc vấn đáp	– Định nghĩa được dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện. – Phân loại được vật dẫn điện, vật không dẫn điện. – Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện và liệt kê được một số nguồn điện thông dụng trong đời sống. – Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang. – Mắc được mạch điện đơn giản với: pin, công tắc, dây nối, bóng đèn. – Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì, rơ le (relay), cầu dao tự động, chuông điện. –Minh hoạ được các tác dụng cơ bản của dòng điện: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí. –Nêu được số chỉ của ampe kế là giá trị của cường độ dòng điện. –Nêu được khả năng sinh ra dòng điện của pin (hay ắc quy) được đo bằng hiệu điện thế (còn gọi là điện áp) giữa hai cực của nó. – Nêu được đơn vị đo cường độ dòng điện và đơn vị đo hiệu điện thế. – Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang. **Chủ đề 6** – Nêu được khái niệm năng lượng nhiệt, khái niệm nội năng. – Nêu được: Khi một vật được làm nóng, các phân tử của vật chuyển động nhanh hơn và nội năng của vật tăng. – Lấy được ví dụ về hiện tượng dẫn nhiệt, đối lưu, bức xạ nhiệt và mô tả sơ lược được sự truyền năng lượng trong mỗi hiện tượng đó – Phân tích được một số ví dụ về công dụng của vật dẫn nhiệt tốt, công dụng của vật cách nhiệt tốt. – Mô tả được sơ lược sự truyền năng lượng trong hiệu ứng nhà kính. – Lấy được một số ví dụ về công dụng và tác hại của sự nở vì nhiệt – Vận dụng kiến thức về sự truyền nhiệt, sự nở vì nhiệt, giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế.		

		Chủ đề 7 – Nêu được tên và vai trò chính của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người. – Nêu được chức năng của hệ vận động ở người. – Mô tả được cấu tạo sơ lược các cơ quan của hệ vận động. Phân tích được sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ vận động. Liên hệ được kiến thức đòn bẩy vào hệ vận động. – Trình bày được một số bệnh, tật liên quan đến hệ vận động và một số bệnh về sức khoẻ học đường liên quan hệ vận động (ví dụ: cong vẹo cột sống). Nêu được một số biện pháp bảo vệ các cơ quan của hệ vận động và cách phòng chống các bệnh, tật. – Nêu được ý nghĩa của tập thể dục, thể thao và chọn phương pháp luyện tập thể thao phù hợp (tự đề xuất được một chế độ luyện tập cho bản thân nhằm nâng cao thể lực và thể hình). – Vận dụng được hiểu biết về hệ vận động và các bệnh học đường để bảo vệ bản thân và tuyên truyền, giúp đỡ cho người khác. – Vận dụng được hiểu biết về lực và thành phần hoá học của xương để giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương. – Nêu được tác hại của bệnh loãng xương. – Nêu được khái niệm dinh dưỡng, chất dinh dưỡng. Nêu được mối quan hệ giữa tiêu hoá và dinh dưỡng. – Trình bày được chức năng của hệ tiêu hoá. – Quan sát hình vẽ (hoặc mô hình, sơ đồ khái quát) hệ tiêu hoá ở người, kể tên được các cơ quan của hệ tiêu hoá. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tiêu hoá. – Trình bày được chế độ dinh dưỡng của con người ở các độ tuổi. – Nêu được nguyên tắc lập khẩu phần thức ăn cho con người. – Nêu được một số bệnh về đường tiêu hoá và cách phòng và chống (bệnh răng, miệng; bệnh dạ dày; bệnh đường ruột, ...).		

		– Vận dụng được hiểu biết về dinh dưỡng và tiêu hoá để phòng và chống các bệnh về tiêu hoá cho bản thân và gia đình. – Trình bày được một số vấn đề về an toàn thực phẩm, cụ thể: + Nêu được khái niệm an toàn thực phẩm. Trình bày được một số điều cần biết về vệ sinh thực phẩm; + Nêu được một số nguyên nhân chủ yếu gây ngộ độc thực phẩm. Lấy được ví dụ minh hoạ. Kể được tên một số loại thực phẩm dễ bị mất an toàn vệ sinh thực phẩm do sinh vật, hoá chất, bảo quản, chế biến; + Kể được tên một số hoá chất (độc tố), cách chế biến, cách bảo quản gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm; + Trình bày được cách bảo quản, chế biến thực phẩm an toàn; + Trình bày được một số bệnh do mất vệ sinh an toàn thực phẩm và cách phòng và chống các bệnh này. – Vận dụng được hiểu biết về an toàn vệ sinh thực phẩm để đề xuất các biện pháp lựa chọn, bảo quản, chế biến, chế độ ăn uống an toàn cho bản thân và gia đình; đọc và hiểu được ý nghĩa của các thông tin ghi trên nhãn hiệu bao bì thực phẩm và biết cách sử dụng thực phẩm đó một cách phù hợp. – Nêu được chức năng của máu và hệ tuần hoàn. – Nêu được các thành phần của máu và chức năng của mỗi thành phần (hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, huyết tương). – Nêu được khái niệm nhóm máu. Phân tích được vai trò của việc hiểu biết về nhóm máu trong thực tiễn (ví dụ trong cấp cứu phải truyền máu; ý nghĩa của truyền máu, cho máu và tuyên truyền cho người khác). –Kể tên được các cơ quan của hệ tuần hoàn. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tuần hoàn. – Nêu được khái niệm miễn dịch, kháng nguyên, kháng thể. – Nêu được vai trò vaccine (vacxin) và vai trò của tiêm vaccine trong việc		

		phòng bệnh. – Trình bày được cơ chế miễn dịch trong cơ thể người. Giải thích được vìsao con người sống trong môi trường có nhiều vi khuẩn có hại nhưng vẫn có thể sống khoẻ mạnh. – Nêu được một số bệnh về máu, tim mạch và cách phòng chống các bệnh đó. – Vận dụng được hiểu biết về máu và tuần hoàn để bảo vệ bản thân và gia đình. – Nêu được chức năng của hệ hô hấp. – Kể tên được các cơ quan của hệ hô hấp. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ hô hấp. – Nêu được một số bệnh về phổi, đường hô hấp và cách phòng chống. – Vận dụng được hiểu biết về hô hấp để bảo vệ bản thân và gia đình. – Trình bày được vai trò của việc chống ô nhiễm không khí liên quan đến các bệnh về hô hấp. – Nêu được chức năng của hệ bài tiết. – Dựa vào hình ảnh hay mô hình, kể tên được các cơ quan của hệ bài tiết nước tiểu. – Dựa vào hình ảnh sơ lược, kể tên được các bộ phận chủ yếu của thận. – Trình bày được một số bệnh về hệ bài tiết và cách phòng chống các bệnh đó. – Vận dụng được hiểu biết về hệ bài tiết để bảo vệ sức khoẻ. – Nêu được khái niệm môi trường trong của cơ thể. – Nêu được khái niệm cân bằng môi trường trong và vai trò của sự duy trì ổn định môi trường trong của cơ thể (ví dụ nồng độ glucose, nồng độ muối trong máu, urea, uric acid, pH). – Nêu được chức năng của hệ thần kinh và các giác quan. – Dựa vào hình ảnh kể tên được hai bộ phận của hệ thần kinh là bộ phận		

		trung ương (não, tuỷ sống) và bộ phận ngoại biên (các dây thần kinh, hạch thần kinh). – Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng các bệnh đó. – Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh. Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác. – Nêu được chức năng của các giác quan thị giác và thính giác. – Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng. Liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt. – Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh. Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai. – Trình bày được một số bệnh về thị giác và thính giác và cách phòng và chống các bệnh đó (ví dụ: bệnh về mắt: bệnh đau mắt đỏ, ...; tật về mắt: cận thị, viễn thị, ...). – Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình; – Kể được tên và nêu được chức năng của các tuyến nội tiết. – Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine, ...) và cách phòng chống các bệnh đó. – Nêu được cấu tạo sơ lược và chức năng của da. Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn. – Nêu được khái niệm thân nhiệt. Nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt. – Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người. – Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt. – Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể. Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng. – Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho		

		da. – Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục và trình bày được cách phòng chống các bệnh đó (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...). – Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khoẻ sinh sản vị thành niên. Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khoẻ bản thân. – Nêu được khái niệm môi trường sống của sinh vật, phân biệt được 4 môi trường sống chủ yếu: môi trường trên cạn, môi trường dưới nước, môi trường trong đất và môi trường sinh vật. Lấy được ví dụ minh hoạ các môi trường sống của sinh vật.		

II. Nhiệm vụ khác: Bồi dưỡng Olympic KHTN 8

TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Điền

Nhà Bè, ngày 5 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN

Nguyễn Ngọc Minh

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ THÀNH CÔNG

Ngô Thị Lệ Hoa